

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2019/HS-ST**.
Ngày: 04 - 10 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh.
2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên Tòa: Bà Lương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Lắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS, ngày 06 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên Tòa số 05/2019/HSST-QĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên Tòa số 06/2019/HSST-QĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên Tòa số 08/2019/HSST-QĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2019; Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 17/TB-TA, ngày 05 tháng 9 năm 2019 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 20/TB-TA, ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Đình N (tên gọi khác: C)**, sinh năm 1996 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện XL, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H (chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 12/03/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 14/2015/HSST, ngày 16/6/2016 chấp hành xong hình phạt. Ngày 25/05/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài

sản”, áp dụng tình tiết “Tái phạm” tại Bản án số 116/2017/HSST, ngày 01/9/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Quá trình nhân thân: Ngày 22/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đ xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” và 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 11 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2019. Bị cáo không kháng cáo bản án, chưa nhận được quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện XL.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh B theo Quyết định điều chuyển số 384/QĐ-CAT-CQQLTG, TG, ngày 20/9/2019 của Thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam công an tỉnh Đ. Có mặt.

2. Họ và tên: **Đỗ Văn H**, sinh năm 1990 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Trọng T, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1959; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 31/5/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 28/2011/HSST; ngày 11/01/2012 chấp hành xong hình phạt. Ngày 31/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng tình tiết “Tái phạm” tại Bản án số 11/2013/HSST. Ngày 27/03/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng tình tiết “Tái phạm” tại Bản án số 14/2013/HSST. Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định tổng hợp hình phạt số 03/QĐ-THHP, ngày 02/5/2013 buộc Đỗ Văn H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 năm 06 tháng tù. Ngày 02/02/2017 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Ngày 22/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đ xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/01/2019. Bị cáo không kháng cáo bản án, chưa nhận được quyết định thi hành án của Tòa án nhân dân huyện XL.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh B theo Quyết định điều chuyển số 384/QĐ-CAT-CQQLTG, TG, ngày 20/9/2019 của Thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam công an tỉnh Đ. Có mặt.

Bị hại:

- Phạm Quốc H, sinh năm 2006.

Người đại diện theo pháp luật của Phạm Quốc H: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1967 và bà Ngô Thị P, sinh năm 1975. Cùng trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

- Phạm Thị Hồng M, sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật của Phạm Thị Hồng M: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1969 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1973. Cùng trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

- Mai's Thị Yên N, sinh năm 2004.

Người đại diện theo pháp luật của Mai's Thị Yên N: Mang Thị L, sinh năm: 1982. Cùng trú tại: Thôn 2, xã S, huyện T, tỉnh B.

(Anh H, ông S, bà P, chị M, ông M, bà H vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị N và bà L vắng mặt).

- Hồ Hồng V, sinh năm 1987; Địa chỉ: KP. L, thị trấn L, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đặng Quốc T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 8, thị trấn G, huyện XL, tỉnh Đ.

- Anh Huỳnh Hiệp H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện XL, tỉnh Đ.

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 1959; Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện Đ, tỉnh B.

- Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện XL, tỉnh Đ.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo cáo trạng số 19/CT-VKSND-TL, ngày 03/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, các bị cáo Đỗ Văn H và Lê Đình N đã thực hiện hành vi như sau:

Khoảng 18 giờ 11/01/2019, Đỗ Văn H rủ Lê Đình N đi qua xã Đ, huyện T chơi. N điều khiển xe mô tô biển số 86B8-404.72 (xe của H) chở H đi đường Suối Kè qua xã G về xã Đ, đến nhà anh L chơi nhưng không có anh L ở nhà nên N và H đi về. Khi đi đến trước tiệm tạp hóa của chị Võ Thị H ở thôn 2, xã Đ, huyện T; N nhìn thấy cháu Phạm Thị Hồng M, sinh năm 2004 và cháu Phạm Quốc H, sinh năm 2006 đang cầm điện thoại di động hiệu Samsung Tab Galaxy A6 thì N nói với H “*Có làm không*”, H đồng ý. N quay xe lại trước tiệm tạp hóa rồi N đi vào giả vờ mua nước và thuốc lá; khi quay ra thì bất ngờ giật chiếc điện thoại Samsung Galaxy A6 của cháu H đang cầm, chạy ra xe H cùng bỏ chạy về Đ. Sáng ngày 12/01/2019 N chở H đến tiệm cầm đồ T ở XL cầm được số tiền 1.000.000đ, chia mỗi người 500.000 đồng tiêu xài.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12/01/2019 Đỗ Văn H rủ Lê Đình N đi qua huyện T để cướp giật tài sản. Lê Đình N điều khiển xe mô tô biển số 86B8-404.72 (xe của H) chở H đi theo đường Căn Cứ 6 vào xã S, khi đi đến trước trường tiểu học S thuộc thôn 2, xã S; H nhìn thấy bên phải đường có cháu Mai's Thị Yên N, sinh năm 2004 đang ngồi sử dụng điện thoại Mastel, thì H nói N “*Con nhỏ đang bấm điện thoại kìa, quay lại*

lấy”, N đồng ý và quay xe lại thì H đi đến giật lấy chiếc điện thoại hiệu mastel của cháu N rồi chạy ra xe N đang chờ và cả 02 chạy về xã Đ chơi lô tô.

Đến khoảng 22 giờ ngày 12/01/2019 N tiếp tục chở H đi về thị trấn L, huyện T để cướp giật tài sản. Khi đi đến khu vực bờ kè Sông Cát thuộc thị trấn L; N hỏi H “*mang dao không*”, H nói “*có, nhét vào túi mào rồi*”. N chở H chạy dọc theo bờ Sông Cát thì thấy anh Hồ Hồng V đang ngồi một mình bấm điện thoại trên bờ kè. N chở H đến cách chỗ anh V ngồi khoảng 15m thì H nói “*Giờ mào tới lấy đi*”, N nói “*Thôi, anh tới lấy đi có gì em phụ*”, H đồng ý. N chở H đến sát chỗ anh V để H xuống xe giật chiếc điện thoại của anh V nhưng bị anh V giằng lại bỏ vào túi quần; anh V chạy ra chỗ xe máy của mình để đi, thì H chạy đến ôm anh V lại đè xuống đường, còn N dùng dao dài khoảng 21cm kê vào cổ anh V nói “*Nằm im không tao cắt cổ*”, H lục túi quần anh V lấy điện thoại hiệu Vivo View max. Sau đó cả hai lên xe chạy về XL. Khoảng 9 giờ ngày 13/01/2019 H đem điện thoại đi cầm được 500.000đ chia nhau tiêu xài. Đến 10 giờ cùng ngày, Đỗ Văn H đang mở khóa chiếc điện thoại Mastel cướp giật ở xã S tại cửa hàng T ở Đ thì bị Công an huyện XL phát hiện bắt giữ.

Bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 18/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 điện thoại di động Samsung Tab Galaxy A6 màu trắng trị giá 3.192.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo view max màu vàng trị giá 2.066.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu nâu, trị giá 1.400.000 đồng. Tổng tài sản trị giá 6.659.000 đồng.

Với hành vi như trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Đỗ Văn H và Lê Đình N về tội “Cướp tài sản” theo các điểm d, h; khoản 2 Điều 168 và tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm g, i; khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh, điều luật và mức hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Lê Đình N và Đỗ Văn H đều phạm tội “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Các điểm d, h; khoản 2 Điều 168; g, i; khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Đình N** với mức án từ 08 năm đến 09 năm tù đối với tội “Cướp tài sản” và mức án từ 05 năm đến 06 năm tù đối với tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 13 năm tù đến 15 năm tù.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Văn H** với mức án từ 07 năm đến 08 năm tù đối với tội “Cướp tài sản” và mức án từ 04 năm đến 05 năm tù đối với tội “Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 11 năm tù đến 13 năm tù.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị hại Phạm Quốc H, Phạm Thị Hồng M và Mai's Thị Yến N không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì; riêng anh Hồ Hồng V yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, số tiền 2.000.000 đồng nên nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị cáo phải bồi thường dân sự cho anh V.

- Về vật chứng: Con dao dài 21cm và xe mô tô biển số 86B8-404.72 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện XL, tỉnh Đ đang tạm giữ để điều tra trong vụ án “*Cướp tài sản*” và “*Cướp giật tài sản*” đang thụ lý nên không xử lý trong vụ án này.

Ý kiến của bị cáo Lê Đình N: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của bị cáo Đỗ Văn H: Bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; các bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:*

Tại phiên Tòa, các bị cáo Đỗ Văn H và Lê Đình N đều thừa nhận: Vào khoảng 18h00' ngày 11/01/2019, tại thôn 2, xã Đ, huyện T; các bị cáo đã có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung Tab Galaxy A6 màu trắng của cháu Phạm Quốc H, sinh năm 2006 và cháu Phạm Thị Hồng M, sinh năm 2004; cầm cố và cùng nhau chia tiền, tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 18h30' ngày 12/01/2019, tại thôn 2, xã S; các bị cáo tiếp tục có hành vi cướp giật 01 điện thoại di động hiệu Vivo view max màu vàng của cháu Mai's Thị Yến N, sinh năm 2004 rồi nhanh chóng tẩu thoát và đến khoảng 22h00 cùng ngày 12/01/2019, tại bờ kè Sông Cát thuộc thị trấn L, huyện T; các bị cáo đã có hành vi dùng dao dài khoảng 21cm, đánh, ôm vật để cướp của anh Hồ Hồng V 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mastel màu nâu. Trong khi đó bị cáo H và N đã từng bị kết án với tình tiết “*Tái phạm*”, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp phạm tội “*Tái phạm nguy hiểm*”. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Lê Đình N và Đỗ Văn H đều đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*” và “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại các điểm d, h khoản 2 Điều 168 và các điểm g, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) theo như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo Lê Đình N và Đỗ Văn H đều phạm tội thuộc trường hợp “*Phạm tội 02 lần trở lên*” nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và xét xử; các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, quá trình điều tra, gia đình các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả, trả cho những người cầm cố điện thoại nên các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó bị cáo N là người chủ mưu và người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi trong vụ cướp giật tài sản tại thôn 2, xã Đ và vụ cướp tài sản tại Bờ kè Sông Cát thuộc thị trấn L. Bị cáo H là người chủ mưu và người trực tiếp thực hiện hành vi trong vụ cướp giật tài sản tại thôn 2, xã S và cũng là người giúp sức cho bị cáo N thực hiện hành vi cướp tài sản. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng cho bị cáo N mức án cao hơn bị cáo H theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, các bị hại Phạm Quốc H, Phạm Thị Hồng M, Mai's Thị Yên N đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Quốc T và anh Huỳnh Hiệp H đã nhận được tiền cầm cố tài sản do gia đình các bị cáo nộp và cũng không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với anh H, chị M, chị N, anh T và anh H trong vụ án này.

Riêng đối với bị hại Hồ Hồng V đã nhận lại tài sản là điện thoại di động bị các bị cáo chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường dân sự với tài sản này nhưng quá trình thực hiện hành vi cướp tài sản của anh V, các bị cáo đã có hành vi gây thương tích cho anh V với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 4%, anh V không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và trong đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án, anh V yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh V với các khoản tiền ngày công lao động bị mất, chi phí điều trị, tiền xe đi lại...với tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Tại phiên Tòa, các bị cáo đồng ý liên đới thực hiện bồi thường thiệt hại cho anh V số tiền 2.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 1.000.000 đồng cho anh V, do đó cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 586, 590 Bộ luật dân sự 2015.

[5] Về vật chứng trong vụ án:

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T đã thu giữ, trả lại cho anh Hồ Hồng V 01 điện thoại di động hiệu Vivo view max màu vàng; chị Mai's Thị Yến N 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu nâu và chị Phạm Thị Hồng M 01 điện di động Samsung Tab Galaxy A6 màu trắng. Anh V, chị N và chị M đều không có ý kiến, yêu cầu gì về vật chứng đã trả lại nên không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Riêng đối với vật chứng là con dao dài 21cm và xe mô tô biển số 86B8-404.72 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện XL đang tạm giữ để điều tra, xử lý trong vụ án “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản” đang thụ lý nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về các vấn đề khác:

Hành vi cướp tài sản của anh Hồ Hồng V do các bị cáo thực hiện đêm 12/01/2019 đã gây thương tích cho anh V với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là 4%. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên Tòa hôm nay, anh V đều không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với các bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

Đối với anh Đặng Quốc T và Huỳnh Hiệp H khi nhận cầm cố các tài sản mà hai bị cáo đã chiếm đoạt thì đều không biết những tài sản này là do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không đưa ra hình thức xử lý đối với anh T và anh H là phù hợp.

[7] Về án phí: Cần buộc các bị cáo Lê Đình N và Đỗ Văn H phải nộp tiền án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh:

Căn cứ vào các điểm d, h khoản 2 Điều 168 và các điểm g, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Tuyên bố các bị cáo Lê Đình N và Đỗ Văn H đều phạm tội “Cướp tài sản” và “Cướp giật tài sản”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào các điểm d, h khoản 2 Điều 168 và các điểm g, i khoản 2 Điều 171; điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Lê Đình N** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án theo bản án này.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn H** 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án theo bản án này.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 584, 586, 590 Bộ luật dân sự 2015: Buộc các bị cáo Lê Đình N và Đỗ Văn H phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh Hồ Hồng V số tiền 2.000.000 đồng. Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh V số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Đình N và Đỗ Văn H mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 04/10/2019. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh B;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã V (Thay t/b);
- UBND xã X (Thay t/b);
- Sở TP T. B;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ